TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2023/QĐST-HNGĐ	*Bố Trạch, ngày 30 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 08/2023/TLST/VHNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn 2 P, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ Anh Trần Thế N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn 2 P, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 06/11/2023 các bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình vợ chồng không hợp, quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống luôn trái ngược, thường tranh cãi lẫn nhau không thể hòa hợp được nữa. Hiện tại, các bên đều xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể trở về đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, tại phiên hòa giải ngày 22/11/2023 các bên vẫn giữ nguyên ý kiến tại đơn yêu cầu thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Anh chị đều khai nhận quá trình chung sống có 01 con chung tên là Trần Anh T, sinh ngày 04/6/2022. Sau khi ly hôn, anh chị thống nhất giao chị A trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Anh T, anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị A mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), kể từ tháng 12/2023 cho đến khi con Trần Anh T tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Các bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị Lan A nộp toàn bộ 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình.

[5] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc dân sự; các thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Trần Thế N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Anh T, sinh ngày 04/6/2022, anh Trần Thế N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị A mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), kể từ tháng 12/2023 cho đến khi con Trần Anh T tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung*:* Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Lan A thỏa thuận chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm việc Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002881 ngày 07 tháng 11 năm 2023. Chị A đã nộp đủ lệ phí vụ việc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
(GCNKH, ngày 10/8/2020)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu